

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/DS-ST

Ngày: 29/8/2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bảy;

2. Bà Tô Thị Bích Hồng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 07/2016/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/QĐST-DS ngày 08/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Trần Thị X, có mặt.

Địa chỉ: Khu T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Bà Nguyễn Thị O, có mặt.

Địa chỉ: Khu T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

1. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966, vắng mặt.

Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1995, vắng mặt.

Anh Trần Trung K, sinh năm 1997, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Chị Trần Thị T, sinh năm 1990, vắng mặt.

Địa chỉ: Phố G, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, các nguyên đơn bà Trần Thị X và bà Nguyễn Thị O trình bày có nội dung:

Bà X trình bày, do có mối quan hệ quen biết ngày 12/01/2015 bà cho ông Trần Văn L người cùng khu vay số tiền 10.000.000đ và đến ngày 23/6/2015 vay tiếp 20.000.000đ. Tổng hai lần vay là 30.000.000đ, những lần vay, ông L đều viết giấy và ký nhận đầy đủ. Ngày 13/11/2015 ông L chết, sau khi ông L chết, bà đến đòi vợ ông L là bà Nguyễn Thị P, nhưng bà P không trả.

Bà O trình bày, do có mối quan hệ quen biết ngày 24/9/2015 bà cho ông Trần Văn L người cùng khu vay số tiền 10.000.000đ và đến ngày 10/10/2015 vay tiếp 10.000.000đ. Tổng hai lần vay là 20.000.000đ, những lần vay ông L đều viết giấy và ký nhận đầy đủ. Ngày 13/11/2015 ông L chết, sau khi ông L chết, bà đến đòi vợ ông L là bà Nguyễn Thị P, nhưng bà P không trả.

Bà X và bà O khởi kiện bà Nguyễn Thị P, chị Trần Thị T, chị Trần Thị Thu T, anh Trần Trung K (Là vợ và các con của ông L) là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ những khoản nợ nêu trên.

Tại đơn kiến nghị ngày 08/7/2016 bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày có nội dung:

Chồng bà là ông Trần Văn L, trú tại khu 5, phường Đ, thị xã Đ, từ năm 2015 trở về trước có vay tiền của ai, số tiền bao nhiêu bà không được biết. Nhưng sau khi ông L chết ngày 13/11/2015 được ba ngày thì có một số người đến đòi nợ, là bà X và bà O những người sống cùng khu phố. Những năm ông L còn sống, bà sức yếu, hay ốm đau không làm được gì, cuộc sống phải dựa vào chồng, vào con. Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Các đồng bị đơn chị Trần Thị Thu T và anh Trần Trung K không thể hiện quan điểm gì.

Bị đơn chị Trần Thị T trình bày chị là con đẻ của ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị P, chị đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị X và bà Nguyễn Thị O. Chị không biết việc vay nợ giữa bố chị với bà X và bà O, vì chị đã đi lấy chồng từ trước đó và cũng chưa từng nghe bố đẻ nói về việc này. Bà X, bà O khởi kiện chị phải chịu trách nhiệm trả nợ, chị không liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Do chị ở xa, nên đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa và các buổi làm việc tại Tòa án.

Theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án, chị Nguyễn Thị X1 trình bày: Chị là nhân viên của Đại lý bảo hiểm Prudential chị đã cung cấp dịch vụ bảo hiểm với bên mua bảo hiểm là ông Trần Văn L có địa chỉ khu 5, phường Đ, thị xã Đ, ông L có vợ là Nguyễn Thị P và các con là Trần Thị T, Trần Thị Thu T, Nguyễn Trung K. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm ông

Trần Văn L chết, Công ty bảo Hiểm đã thanh toán tiền bảo hiểm cho vợ ông L là bà Nguyễn Thị P. Chị X1 cung cấp cho Tòa án 01 phiếu yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và 01 phiếu đề nghị đứng tên bên mua hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Theo quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án, vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T1, trình bày: Vợ chồng chị thỏa thuận bằng miệng với ông Trần Văn L xây dựng căn nhà số 594, khu Đ, phường H, thị xã Đ, khi xây dở tầng 5 thì ông L chết. Trong quá trình thi công thỉnh thoảng ông L có ứng tiền công được ký nhận vào quyển sổ nhỏ, vợ chồng chúng tôi cung cấp cho Tòa án quyển sổ này theo yêu cầu của Tòa án.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều đã quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Trần Văn L đối với các giấy vay tiền với các tài liệu có chữ ký và chữ viết của ông Trần Văn L do Tòa án thu thập theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Tại bản kết luận giám định số 703/C54-P5 ngày 29/12/2016 của Viện khoa học hình sự kết luận: Chữ ký, chữ viết cần giám định trên các tài liệu ký hiệu A1, A2, A3, so với chữ ký, chữ viết trên tài liệu ký hiệu M1, trên các trang chữ viết thứ 2 (Trừ chữ “Bỏ” tại dòng chữ viết thứ 5 từ trên xuống), thứ 2, thứ 4 và thứ 5 (Trừ các dòng chữ viết thứ 1, 2, 3 từ trên xuống) tài liệu ký hiệu M2 do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị X giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền là 30.000.000đ. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền 20.000.000đ.

Tại phiên tòa các bị đơn đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn không có mặt tham gia tố tụng dẫn đến vụ án bị kéo dài.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc các bị đơn phải trả nguyên đơn bà Trần Thị X số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và nguyên đơn bà Nguyễn Thị O số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều nhận định:

[2]. *Về xác định tư cách tham gia tố tụng của bị đơn:* Các nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị P cùng các con là chị Trần Thị T, chị Trần Thị Thu T và anh Trần Trung K là vợ và các con của ông Trần Văn L (ông L chết ngày 13/11/2015) là những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn L. Theo công văn số 90-15/06.17/legal ngày 27/6/2017 của Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam, v/v trả lời hợp đồng bảo hiểm của ông Trần Văn L có nội dung: Ông Trần Văn L có ký hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 73342665 có hiệu lực từ ngày 22/5/2015, sau khi ông L chết ngày 18/11/2015 bà Nguyễn Thị P đề nghị đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế hợp pháp của bên mua bảo hiểm đứng tên bên mua hợp đồng bảo hiểm trên, vì bà Phương đủ điều kiện nên Prudential chấp thuận yêu cầu của bà P. Ngày 16/3/2016, bà P yêu cầu Prudential thanh toán quyền lợi bảo hiểm. Do ông L là người được bảo hiểm của sản phẩm hỗ trợ bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn và sản phẩm từ bỏ thu phí đối với người hôn phối nên khi ông L chết, Prudential đã chi trả 100% quyền lợi bảo hiểm cho người thừa kế hợp pháp là bà Nguyễn Thị P với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Đồng thời hợp đồng bảo hiểm không phải tiếp tục nộp phí và hoàn trả phí dư của hợp đồng bảo hiểm tại thời điểm yêu cầu là 20.600đ. Hợp đồng bảo hiểm vẫn đang có hiệu lực và tiếp tục thực hiện. Hơn nữa, qua xác minh tại địa phương, ông L và bà P có tài sản chung là nhà và đất tại khu 5, phường Đ sau khi ông L chết chưa chia di sản thừa kế, hiện do bà P quản lý và sử dụng. Vì vậy, các nguyên đơn khởi kiện các bị đơn là bà Nguyễn Thị P, chị Trần Thị T, Trần Thị Thu T và Trần Trung K là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ về tài sản của ông Trần văn L theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 và khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:*

Đối với giấy vay nợ ngày 12/01/2015 thể hiện nội dung Trần Văn L vay của cô S số tiền 10.000.000đ, hạn 10 ngày trả và giấy vay tiền ngày 23/6/2015 vay của cô X 20.000.000đ, hạn trả trong 01 tháng.

Đối với giấy vay tiền ngày 24/9/2015 thể hiện nội dung Trần Văn L vay của cô O số tiền 10.000.000đ, lãi suất 2,5%/tháng, trả theo tháng, ngày 10/10/2015 vay tiếp 10.000.000đ lãi suất 2,5%/tháng.

Các nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền gốc theo các giấy vay tiền, giao dịch dân sự này phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, cho nên áp dụng các quy định về hợp đồng vay tài sản của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P có ý kiến, từ năm 2015 trở về trước chồng bà ông Trần Văn L vay tiền của ai, số tiền bao nhiêu bà không biết. Căn cứ vào các giấy vay tiền do các nguyên đơn cung cấp và các tài liệu về chữ ký và chữ viết của ông Trần Văn L do Tòa án thu thập, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều đã quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Trần Văn L. Tại bản kết luận giám định số 703/C54-P5 ngày 29/12/2016 của Viện khoa học hình sự kết luận: Chữ ký, chữ viết cần giám định trên các tài liệu ký hiệu A1, A2, A3, so với chữ ký, chữ viết trên tài liệu ký hiệu M1, trên các trang chữ viết thứ 2 (Trừ chữ “Bỏ” tại dòng chữ viết thứ 5 từ trên xuống), thứ 2, thứ 4 và thứ 5 (Trừ các dòng chữ viết thứ 1, 2, 3 từ trên xuống) tài liệu ký hiệu M2 do cùng một người ký và viết ra. Vì vậy có đủ cơ sở xác định các giấy vay tiền là do ông Trần Văn L viết và ký tên. Vì ông Trần Văn L chết ngày 13/11/2015 mà chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cho nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm bà Nguyễn Thị P, chị Trần Thị T, chị Trần Thị Thu T và anh Trần Trung K (là các con chung của ông L và bà P) là những người hưởng thừa kế phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ trên cho các nguyên đơn theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 613, Điều 614, Điều 615 và Điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về chi phí tố tụng và án phí:

Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của các nguyên đơn là có căn cứ, các nguyên đơn đã nộp 5.820.000đ tạm ứng chi phí giám định, cho nên các bị đơn phải chịu chi phí giám định và phải trả lại cho các nguyên đơn số tiền chi phí giám định trên, theo phần trả cho bà Trần Thị X và bà Nguyễn Thị O mỗi người số tiền là 2.910.000đ (Hai triệu chín trăm mười nghìn đồng) theo Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị P, chị Trần Thị T, chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Trung K là bị đơn trong vụ án, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận, nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 357, Điều 463, Điều 466 và 468, Điều 613, Điều 614, Điều 615 và Điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2, 3 Điều 68, khoản 1 Điều 74, Điều 28, Điều 35, Điều 161, Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trần Thị X và bà Nguyễn Thị O.*

1.1. Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị P, chị Trần Thị T, chị Trần Thị Thu T và anh Trần Trung K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà Trần Thị X số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

1.2. Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị P, chị Trần Thị T, chị Trần Thị Thu T và anh Trần Trung K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị O số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

2. *Về chi phí tố tụng và án phí:*

Bà Nguyễn Thị P, chị Trần Thị T, chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Trung K phải trả tiền chi phí giám định cho bà Trần Thị X và bà Nguyễn Thị O mỗi người là 2.910.000đ (Hai triệu chín trăm mười nghìn đồng).

Các bị đơn bà Nguyễn Thị P, chị Trần Thị T, chị Trần Thị Thu T và anh Trần Trung K phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Trần Thị X 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006326 ngày 23/3/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

Trả lại bà Nguyễn Thị O 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006327 ngày 23/3/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. *Về quyền kháng cáo:*

Các nguyên đơn bà Trần Thị X và bà Nguyễn Thị O có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Nam